

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM BÌNH, TỈNH TUYÊN QUANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nghiêm Đình Long

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Ngô Tiến Toàn

Bà Dương Thị Hà

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Ma Ngọc Hiếu, Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Việt Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 26/2021/TLST-HNGĐ ngày 8 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Chị **Ma Thị B**, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

\* Bị đơn: Anh **Ma Văn L**, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Đơn khởi kiện và tại các lời khai, nguyên đơn chị Ma Thị B trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Ma Văn L chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 17/11/2003 và không đăng ký kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi tổ chức cưới, anh chị chung sống tại thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Tuyên Quang hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình hai bên không hợp nhau, bất đồng quan điểm, cuộc sống không hòa thuận, thường xuyên nói nhau. Chị bỏ về nhà mẹ đẻ ở cùng thôn N, xã T ở từ năm 2015 đến nay và sống ly thân với anh L. Chị B xác định không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với anh L, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

- Về con chung: Anh chị sinh được 03 (ba) con là cháu Ma Thị L1, sinh ngày 16/9/2004, cháu Ma Văn L2 sinh ngày 10/3/2008, cháu Ma Thị X sinh ngày 14/5/2010. Nếu ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết để anh L nuôi cả ba cháu và chị có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi mỗi cháu 200.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Bị đơn, anh Ma Văn L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị B chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 17/11/2003 và không đăng ký kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi tổ chức cưới, anh chị chung sống tại thôn N xã T, huyện L, tỉnh Tuyên Quang hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị B đi làm công ty không về nhà, không quan tâm đến gia đình nên anh không còn tin tưởng chị. Chị B bỏ về nhà mẹ đẻ ở cùng thôn N, xã T ở từ năm 2015 đến nay và sống ly thân với anh. Anh xác định không còn tình cảm với chị B và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị B.

- Về con chung: Anh chị sinh được 03 (ba) con là cháu Ma Thị L1, sinh ngày 16/9/2004, cháu Ma Văn L2 sinh ngày 10/3/2008, cháu Ma Thị X sinh ngày 14/5/2010. Nếu ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết để anh nuôi cả ba cháu và yêu cầu chị B có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi mỗi cháu 200.000 đồng/ tháng.

- Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị B vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh L vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

#### **Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:**

\* **Về tố tụng:** Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

#### **\* Về nội dung:**

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 14, 15, 53, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 357, 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Ma Thị B và anh Ma Văn L.

- Về con chung: Giao 03 (ba) con chung cho anh Ma Văn L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi. Chị Ma Thị B được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng: Buộc chị Ma Thị B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 03 con chung. Mỗi cháu 200.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 (mười tám) tuổi.
- Về tài sản chung chị B và anh L tự thỏa thuận. Về vay nợ chung anh chị xác định không có nên không xem xét.
- Về án phí: Chị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.
- Về quyền kháng cáo: Chị B và anh L được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Ma Thị B, bị đơn anh Ma Văn L vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Bình giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị B và anh L đều thừa nhận chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 17/11/2003 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T cũng thể hiện chị B và anh L không có đăng ký kết hôn. Vì vậy, quan hệ giữa chị Ma Thị B và anh Ma Văn L không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Chị B và anh L mâu thuẫn với nhau thời gian dài và sống ly thân không còn quan tâm đến nhau từ năm 2015. Hiện nay, anh chị không còn tình cảm với nhau nên không thể hàn gắn và tiếp tục chung sống được với nhau. Do đó, xem xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, xác định không công nhận chị Ma Thị B và anh Ma Văn L là vợ chồng.

- Về con chung: Chị B và anh L có 03 (ba) con chung là cháu Ma Thị L1, sinh ngày 16/9/2004, cháu Ma Văn L2 sinh ngày 10/3/2008, cháu Ma Thị X sinh ngày 14/5/2010.

Chị B không có nguyện vọng trực tiếp nuôi con, anh L có nguyện vọng trực tiếp được nuôi 03 (ba) con chung. Cả 03 (ba) cháu đều có nguyện vọng được ở với anh L. Vì vậy, cần giao 03 con chung cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị B được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng: Anh L yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi mỗi cháu là 200.000 đồng/tháng, chị B nhất trí mức cấp dưỡng anh L yêu cầu. Vì vậy, cần buộc chị B cấp dưỡng nuôi 03 con chung, mỗi cháu là 200.000đ/tháng.

- Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Chị B và anh L xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị B và anh L được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 14, 15, 53, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 357, 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Ma Thị B và anh Ma Văn L.

[2]. Về con chung:

- Giao 03 (ba) con chung: Cháu Ma Thị L1, sinh ngày 16/9/2004, cháu Ma Văn L2 sinh ngày 10/3/2008, cháu Ma Thị X sinh ngày 14/5/2010 cho anh Ma Văn L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi.

- Chị Ma Thị B được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3]. Về cấp dưỡng:

- Buộc chị Ma Thị B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 03 con chung: Cháu Ma Thị L1, sinh ngày 16/9/2004, cháu Ma Văn L2 sinh ngày 10/3/2008, cháu Ma Thị X sinh ngày 14/5/2010. Mỗi cháu 200.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 (mười tám) tuổi.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.*

[4]. Về án phí:

- Chị Ma Thị B phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0001508 ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang. Chị B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Ma Thị B phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn chị Ma Thị B, bị đơn anh Ma Văn L vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.*

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh TQ;
- VKSND huyện Lâm Bình;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS huyện Lâm Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nghiêm Đình Long**